

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 2 – PERSONAL IDENTITY

VOCABULARY

A. VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	first impression (n)	ấn tượng ban đầu	25	be amazed (a)	kinh ngạc
2	positive (a)	tích cực	26	distant from	xa cách với
3	negative (a)	tiêu cực	27	humorous (a)	hài hước
4	half-term (n)	khoảng nghỉ giữa một học kỳ	28	ambition (n)	tham vọng
5	loads of	rất nhiều	29	take place (phr.v)	diễn ra
6	meet up (phr.v)	gặp gỡ	30	snort (v)	thở phì phì
7	for a while	trong một khoảng thời gian ngắn	31	steady (a) – steadily (adv)	đều đặn
8	get lost (a)	bị lạc	32	remarkable (a)	đáng chú ý
9	know the way around	biết rõ, quen thuộc	33	work the way upwards	= make progress, become better trở nên tiến bộ
10	tell somebody off (phr.v)	trách mắng, quở trách	34	close to something	gần với, sát với
11	do a concert (v)	tổ chức một buổi hòa nhạc	35	the bottom (n)	đáy, phần dưới cùng
12	“so far, so good” (idiom)	mọi thứ vẫn tốt đẹp	36	cleverness (n)	sự thông minh
13	blog spot (n)	website hỗ trợ người dùng tạo blog	37	on top of the world	trên đỉnh thế giới/ rất thành công
14	be in trouble	gặp rắc rối	38	take the long route	đi đường dài
15	headteacher (n)	hiệu trưởng	39	on the other side	mặt khác
16	science lab (n)	phòng thí nghiệm khoa học	40	altogether (adv)	hoàn toàn
17	great-grandparent (n)	ông bà cố	41	urge (v)	= strongly advised thúc giục
18	emigrate (v)	di cư	42	twitch with impatience	co rúm lại vì mất kiên nhẫn
19	identical (a)	giống hệt nhau	43	sense of responsibility (n)	tinh thần trách nhiệm

20	exactly the same age	chính xác là cùng tuổi	44	peculiar (a)	khác thường, lập dị
21	be named after somebody	được đặt tên theo	45	march (v)	bước đều
22	scientific approach (n)	cách tiếp cận khoa học	46	firm (a)	mạnh mẽ, vững vàng
23	ancestor (n)	tổ tiên	47	intone (v)	phát âm có ngữ điệu
24	connected with (a)	kết nối với	48	a cross between (n)	= containing the qualities of 2 different things một sự kết hợp, trộn lẫn

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; a = adjective: tính từ;

adv = adverb: trạng từ phr.v = phrasal verb: cụm động từ

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

B. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences. Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Circle the word having different stress from others

- | | | | |
|-----------------------|---------------|----------------|---------------|
| 0. A. ancestor | B. impatience | C. achievement | D. resources |
| 1. A. emigrate | B. brilliant | C. humorous | D. ambition |
| 2. A. identical | B. remarkable | C. scientific | D. peculiar |
| 3. A. landline | B. approach | C. credit | D. concert |
| 4. A. distant | B. intone | C. perhaps | D. decide |
| 5. A. invitation | B. situation | C. definitely | D. diplomatic |

II. Fill in the blanks with the given words in the box

marched	distant	meeting up
impression	for a while	remarkable

- The soldiers marched 90 miles in three days.
- It is _____ that nobody noticed sooner.
- Making a good _____ can start a good relationship.
- The airport is about ten miles _____ from the city.
- He stopped smoking _____.
- I'm _____ with some friends after work.

III. Are the given underlined parts correct or not? If they are correct, put a tick (✓). If not, correct them.

0.	<u>At</u> school, she was always being called into the heateacher's office.	→	✓
0.	He <u>have</u> never been in trouble with his teachers before.	→	has
1.	The procession moved through the streets at a <u>steady</u> pace.	→	
2.	Oates' great-grandparents came to the United States <u>on</u> the 1890s.	→	
3.	I feel <u>negative</u> because I did well in the exam.	→	
4.	We named all our children <u>after</u> football players.	→	
5.	His job was a cross <u>under</u> policeman and counselor (luật sư).	→	

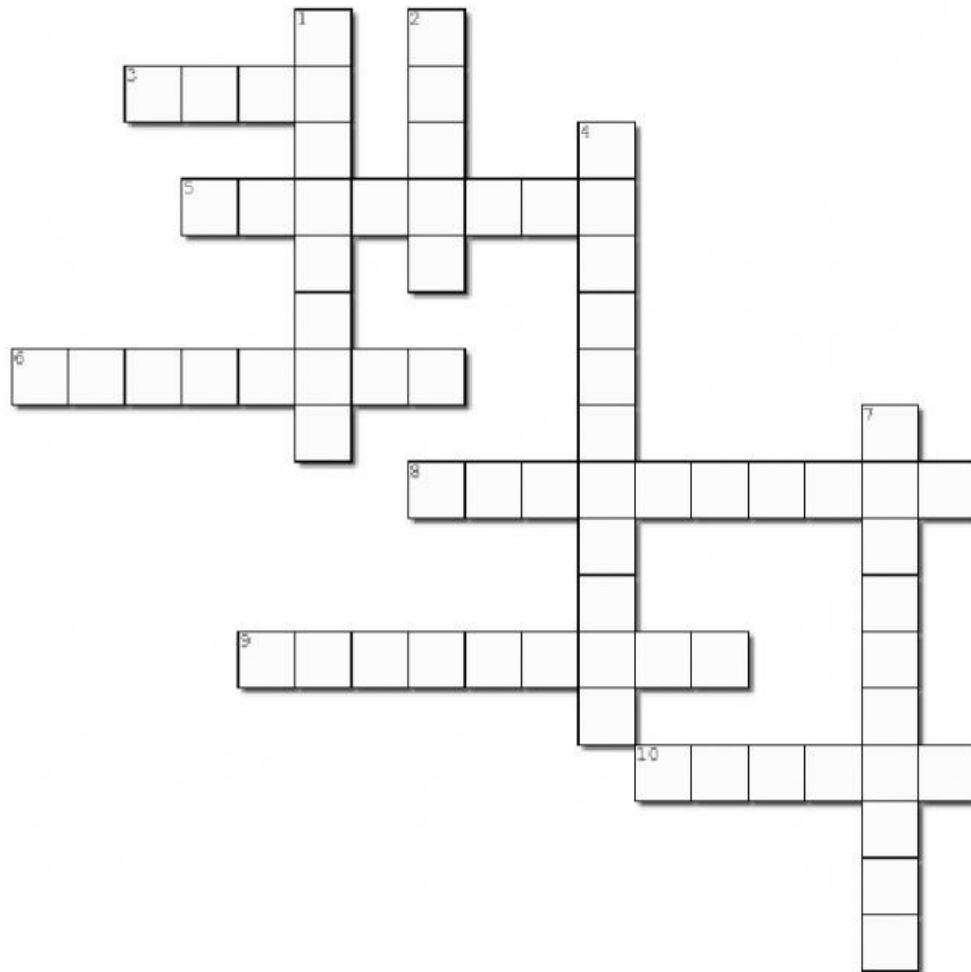


IV. Match the words given in the box with their definitions

0. connected with	a. joined together or related to someone or something
1. march	b. the grandfather of one of your parents
2. be amazed	c. the person who is in charge of (phụ trách) a school
3. great-grandparent	d. to leave a country permanently (vĩnh viễn) and go to live in another one.
4. emigrate	e. extremely surprised
5. headteacher	f. to walk with regular steps and keeping the body stiff (cứng), usually in a formal group of people who are all walking in the same way
6. know the way around	g. to see and talk to someone after making an arrangement (sắp xếp) to do so
7. meet up	h. be familiar with an area, procedure (thủ tục), or subject

0 - a	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -	6 -	7 -
-------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

V. Complete the crossword puzzle below



Created using the Crossword Maker on TheTeachersCorner.net

Across

- 3. Certain and not likely to change.
- 5. To leave a country permanently and go to live in another one.
- 6. Funny, or making you laugh.
- 8. Unusual and surprising.
- 9. In the UK, a short holiday in the middle of each of the three periods into which the school year is divided.
- 10. To say something slowly and seriously in a voice that does not rise or fall much.

Down

- 1. A strong wish to achieve something.
- 2. To an explosive sound by forcing air quickly up or down the nose.
- 4. Someone who is in charge of a school.
- 7. Ability to understand and learn quickly and easily.

PET 8 – TEST 2 – LISTENING

Con làm bài nghe theo link sau: <https://youtu.be/OpShlXZBFHo> (từ 11:55 đến 18:46)

Part 2

Questions 8–13

You will hear an interview with a woman called Marta Stanston, who runs a mobile restaurant that she sets up in different places.

For each question, put a tick (✓) in the correct box.

- | | | | | |
|----|---|---|--|--------------------------|
| 8 | What did Marta dislike about her first job? | A | It was really badly paid. | ☐ |
| | | B | The boss didn't listen to her. | ☐ |
| | | C | She found the staff unfriendly. | ☐ |
| 9 | At first, what did Marta find most surprising about mobile restaurants? | A | They are only advertised online. | ☐ |
| | | B | Food never gets thrown away. | ☐ |
| | | C | Menus can be easily changed. | ☐ |
| 10 | For Marta, the best thing about mobile restaurants was | A | knowing she would have customers. | ☐ |
| | | B | being able to work outdoors. | ☐ |
| | | C | finding that waiters weren't needed. | ☐ |
| 11 | Marta had difficulty serving food on a beach because of | A | the sun. | ☐ |
| | | B | the rain. | ☐ |
| | | C | the wind. | ☐ |
| 12 | Marta tries to avoid serving meals in her home because | A | she doesn't have enough furniture. | ☐ |
| | | B | the neighbours have complained. | ☐ |
| | | C | there is a lack of space. | ☐ |
| 13 | What worries Marta about the future? | A | mobile restaurants going out of fashion | ☐ |
| | | B | the wrong people opening restaurants like hers | ☐ |
| | | C | health inspectors coming to her restaurant | ☐ |

MINI TEST

I. Choose the correct words from the box

Wooden	Brilliant	Diplomatic gift	Praise	Achievement	Colleague
--------	-----------	-----------------	--------	-------------	-----------

0. Wooden chair is a chair made of wood.
1. _____ is one of a group of people who work together.
2. _____ is something very good and difficult that you have succeeded in doing.
3. _____ is a gift given by a diplomat (*nhà ngoại giao*), a politician (*nhà chính trị*) or a leader when visiting a foreign country.
4. _____ means extremely intelligent or skilled.
5. _____ is the action which expresses admiration or approval of the achievements or characteristics of a person or thing.

II. Look at these pictures and guess what they are



n o d o u r h e a d s



t o y t



s h



b y h



S o L



k o t c